

Số: 388 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với một số nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược biển, Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế của cả nước, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long theo nguyên tắc đồng thuận, trách nhiệm, hài hòa lợi ích để tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực trong xây dựng, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cung cầu hàng hóa, dịch vụ, thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao vai trò, vị trí của vùng đồng bằng sông Cửu Long với cả nước.

3. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; giảm nghèo, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực; đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, gắn phát triển nhân lực với phát triển khoa học và công nghệ. Xây

dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, biển đảo; bảo đảm trật tự an toàn xã hội; tăng cường quan hệ hữu nghị với tinh láng giềng của các nước Campuchia - Thái Lan - Malaysia.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Kiên Giang trở thành tỉnh phát triển năng động, toàn diện, đạt trình độ phát triển khá trong cả nước; có kết cấu hạ tầng đồng bộ; đa số người dân thích nghi được với điều kiện biến đổi khí hậu và môi trường; các doanh nghiệp của tỉnh phát huy được cơ hội từ quá trình hội nhập quốc tế. Kiên Giang đóng góp quan trọng xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long giàu mạnh, tiến kịp mặt bằng chung của cả nước; chính trị xã hội ổn định, quốc phòng an ninh vững chắc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) bình quân 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 tăng khoảng 7,5 - 8%/năm (giá so sánh năm 2010), thời kỳ 2020 - 2030 GRDP tăng bình quân khoảng 8 - 9%/năm.

- Đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 2.855 - 2.930 USD và đạt khoảng 8.100 - 9.300 USD vào năm 2030.

- Tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp chiếm 35 - 36%, công nghiệp - xây dựng chiếm 23 - 24% và dịch vụ chiếm 40 - 41% trong cơ cấu kinh tế vào năm 2020, tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp năm 2030 trên 75% tổng GRDP.

- Xuất khẩu khoảng 780 - 1.000 triệu USD, thu ngân sách 10.000 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 6.500 tỷ đồng vào năm 2020.

b) Về văn hóa xã hội:

- Tốc độ tăng dân số trung bình khoảng 0,70%/năm; trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên là 0,95%/năm. Dân số trung bình đến năm 2020 là 1.835 nghìn người.

- Giải quyết việc làm cho 35.000 - 40.000 lượt người/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo vào năm 2020 là 67%, trong đó có bằng cấp hoặc chứng chỉ là 50%. Bình quân mỗi năm giảm từ 1 - 1,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều để đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 3%.

- Đến năm 2020, có 90% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; đạt 9 bác sĩ/vạn dân; đạt 27,36 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi là 12%; trên 85% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

- Nâng tỷ lệ huy động học sinh so với dân số trong độ tuổi nhà trẻ khoảng 5%, mẫu giáo khoảng 65%, tiểu học khoảng 99%, trung học cơ sở khoảng 96%, trung học phổ thông khoảng 40% vào năm 2020.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia nông thôn mới là 50%, tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn văn hóa là 35%, tỷ lệ hộ sử dụng điện là 99%, tỷ lệ đô thị hóa là 32% vào năm 2020.

c) Về bảo vệ môi trường: Đến năm 2020, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh đạt 90%; nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 12%; tỷ lệ khu cụm công nghiệp có hệ thống xử lý chất thải nguy hại đạt 75%.

d) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50% vào năm 2030.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Nông lâm ngư nghiệp

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, tập trung, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh cao trên thị trường gắn với tái cơ cấu nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu; quản lý khai thác tài nguyên đất, nước, rừng, nhất là rừng ngập mặn vùng ven biển, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nông lâm thủy sản bền vững.

Hình thành các vùng trồng lúa hàng hóa có hệ thống hạ tầng đồng bộ, tạo thuận lợi để cơ giới hóa, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giống phù hợp với điều kiện sinh thái của từng tiểu vùng; nghiên cứu, áp dụng mô hình luân canh lúa với các cây trồng khác như bắp, đậu nành, rau đậu hoặc nuôi thủy sản trên đất lúa.

Từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán ở hộ sang chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao; quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung, xa trung tâm thành thị, khu dân cư.

Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng ở các khu vực Vườn quốc gia U Minh Thượng, Vườn quốc gia Phú Quốc, Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Chông. Khôi phục và bảo vệ rừng ngập mặn ven biển, bãi bồi ven biển, hệ sinh thái rừng tràm kết hợp với bảo vệ nguồn tài nguyên thủy sản và động vật hoang dã.

Phát triển các ngành khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần nghề cá, nuôi trồng thủy sản ven biển, quanh đảo. Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng mới kết cấu hạ tầng nghề cá ở ven bờ và các đảo lớn. Hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản hàng hóa gắn với ứng dụng công nghệ cao.

2. Công nghiệp, xây dựng

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông thủy sản, thực phẩm; công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp cơ khí đóng, sửa chữa tàu; các ngành công nghiệp phụ trợ; công nghiệp sử dụng nhiều lao động khu vực nông thôn. Phát triển ổn định công nghiệp vật liệu xây dựng, gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái.

Giai đoạn 2016 - 2020 tập trung xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào 2 khu công nghiệp: Thanh Lộc - Châu Thành, Thuận Yên - Hà Tiên và phát triển thêm khu công nghiệp Xẻo Rô - An Biên; hình thành các cụm công nghiệp: Vĩnh Hòa Hưng Nam - Gò Quao, Đông Bắc Vĩnh Hiệp - Rạch Giá, Hà Giang - Giang Thành và một số cụm công nghiệp ở những nơi có điều kiện.

Phát triển ngành xây dựng trên cơ sở huy động mọi thành phần kinh tế tham gia. Xây dựng kế hoạch để triển khai Đề án tái cơ cấu ngành xây dựng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

3. Dịch vụ

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có giá trị và giá trị gia tăng cao, tạo động lực mới thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển mạnh ngành thương mại, du lịch, dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, công nghệ thông tin.

Đẩy mạnh hoạt động thương mại khu vực biên giới cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, cửa khẩu quốc gia Giang Thành, gắn kết với Phú Quốc, các trung tâm đô thị Kiên Lương và Rạch Giá để hình thành các cực tăng trưởng năng động của tỉnh, làm hạt nhân lan tỏa sang các khu vực phụ cận.

Đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng 4 vùng du lịch trọng điểm. Tăng cường liên kết du lịch của tỉnh với du lịch quốc tế, các tỉnh thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển du lịch để đến năm 2020 ngành du lịch chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động.

Phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm theo hướng đa dạng hóa các loại hình sản phẩm; nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tập trung vốn tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên. Khuyến khích các sản phẩm bảo hiểm mới mang tính đột phá, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của người tham gia bảo hiểm.

Phát triển dịch vụ vận tải, kho bãi chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ trọn gói; nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ để tăng khả năng liên kết hiệu quả giữa các phương thức vận tải, giảm đầu mối cung cấp. Phát huy lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của tỉnh để phát triển hệ thống giao thông vận tải đường bộ, đường biển và đường hàng không có hiệu quả cao.

4. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Dân số, lao động, việc làm

Tiếp tục thực hiện chính sách kế hoạch hóa gia đình; nâng cao chất lượng mức sống dân cư, tuổi thọ trung bình, chỉ số HDI; chuyển đổi nghề, tạo nhiều việc làm trong lĩnh vực dịch vụ cho người lao động, nhất là khu vực nông thôn; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị.

b) Giáo dục đào tạo, dạy nghề

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống trường lớp đáp ứng yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục. Bảo đảm ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa để huy động thêm các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước.

Củng cố, hoàn thiện hệ thống giáo dục nghề nghiệp, nhất là đầu tư trường nghề chất lượng cao; tăng cường đào tạo nghề cho lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

c) Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo hướng vừa phát triển y tế chuyên sâu, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, vừa đảm bảo công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân; tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, nhân lực cho vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Xã hội hóa mạnh mẽ dịch vụ y tế, tạo điều kiện phát triển các cơ sở y, được ngoài công lập, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; nâng cao thể lực tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống. Tăng cường cung cấp dịch vụ về chăm sóc ban đầu; hướng đến mục tiêu hoàn thành bao phủ y tế toàn dân.

d) Văn hóa, thể dục, thể thao

Thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng nếp sống văn minh tiến bộ, gia đình văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Huy động, sử dụng tốt nguồn lực xã hội để đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa cơ sở; xây dựng một số công trình văn hóa trung tâm tạo điểm nhấn tại các đô thị lớn. Đầu tư tôn tạo, tu bổ các di tích văn hóa, lịch sử, danh lam thắng cảnh; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống và các di sản văn hóa phi vật thể.

Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, thể dục thể thao tại các trường học, cơ quan. Đầu tư phát triển một số môn thể thao thành tích cao có thể mạnh; xã hội hóa cơ sở vật chất hoạt động thể dục thể thao.

đ) Các vấn đề xã hội

Giải quyết việc làm, giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội. Thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội.

5. Khoa học, công nghệ, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

a) Khoa học và công nghệ

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh; phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, thị trường khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu như: Nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, vật liệu xây dựng, kinh tế biển, lĩnh vực môi trường và quản lý nhà nước.

b) Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Bảo vệ tốt các loại rừng, môi trường biển, ven biển, các khu bảo tồn hệ sinh thái đặc thù; thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường, đồng thời tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường; xây dựng các cơ sở thu gom xử lý rác thải, nước thải ở các khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu cụm công nghiệp tập trung, làng nghề.

Bảo vệ môi trường trong hoạt động khảo sát, thăm dò và khai thác khoáng sản; theo dõi thường xuyên chất lượng nguồn nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, diễn biến về trữ lượng, chất lượng, sự tụt giảm nước ngầm để có giải pháp xử lý hiệu quả, kịp thời; quản lý chặt chẽ nguồn nước ngầm.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

a) Về giao thông vận tải

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành trung ương đầu tư nâng cấp, xây mới hệ thống đường quốc gia đi qua địa bàn tỉnh như: Các quốc lộ 61, 63, 80, N1, đường Hồ Chí Minh, tuyến đường bộ ven biển, đường hành lang biên giới.

Nâng cấp, mở rộng, xây mới các tuyến đường tỉnh, đường huyện theo quy hoạch. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên đảo Phú Quốc. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên các xã đảo Kiên Hải, Kiên Lương, thị xã Hà Tiên.

Nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa chính yếu; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải mở rộng tuyến đường thủy quốc gia Rạch Giá - Hà Tiên, nghiên cứu tuyến vận tải ven biển Việt Nam - Campuchia - Thái Lan nhằm khai thác tiềm năng từ Cộng đồng kinh tế ASEAN.

Đầu tư nâng cấp mở rộng nhà ga, đường lăn sân bay Phú Quốc đạt cấp 4E.

b) Thủy lợi

Phát triển hệ thống thủy lợi phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế - xã hội theo từng tiểu vùng gồm: Tứ giác Long Xuyên, Tây Sông Hậu, U Minh Thượng và tiểu vùng hải đảo nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo vệ nguồn nước ngọt; kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình; hạn chế các tác hại do nước gây ra, nhất là lũ lụt, xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

c) Thông tin viễn thông

Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin viễn thông theo hướng hiện đại, có dung lượng lớn. Mở rộng vùng phủ sóng của các mạng viễn thông di động 3G, 4G và phát triển các mạng thế hệ tiếp sau. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

d) Mạng lưới điện

Phát triển hệ thống cấp điện trên cơ sở các Quy hoạch phát triển điện lực cấp quốc gia; Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020, có xét đến năm 2035 và các Đề án phát triển điện cho đảo Phú Quốc, các đảo khác của tỉnh.

7. Về quốc phòng, an ninh, công tác đối ngoại

Kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư trên các tuyến biên giới, các đảo; củng cố quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; bảo vệ vững chắc tuyến biên giới, biển đảo; giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt đường lối đối ngoại, nhất là với các tỉnh nước bạn Campuchia.

8. Phương hướng tổ chức không gian phát triển

a) Phân vùng phát triển

- Vùng Tứ giác Long Xuyên: Phát triển đô thị công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bao gồm các đô thị hiện hữu như: Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Đất, Sóc Sơn và các đô thị mới như: Đầm Chít, Tân Khánh

Hòa, Vĩnh Phú, Thổ Sơn, Mỹ Lâm. Các đô thị này chủ yếu tập trung theo tuyến hành lang kinh tế ven biển Tây và tuyến kinh tế biên giới phía Bắc dọc hành lang biên giới.

- Vùng Tây sông Hậu: Phát triển đô thị công nghiệp, thương mại, dịch vụ, trung tâm chế biến nông thủy sản, bao gồm các đô thị hiện hữu như: Minh Lương, Giồng Riềng, Tân Hiệp, Gò Quao và các đô thị mới như: Thạnh Đông A, Thuận Hưng, Định An. Các đô thị này chủ yếu tập trung theo tuyến quốc lộ 80 và quốc lộ 61. Ưu tiên phát triển đô thị Minh Lương với vai trò là trung tâm kinh tế tổng hợp của vùng; đô thị Tân Hiệp vai trò là trung tâm dịch vụ trung chuyên kết nối Rạch Giá với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long; đô thị Giồng Riềng trở thành trung tâm chế biến nông sản lớn của tỉnh.

- Vùng U Minh Thượng: Phát triển đô thị công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản - thương mại, dịch vụ - du lịch, bao gồm các đô thị hiện hữu như: Thứ Ba, Thứ Mười Một, Vĩnh Thuận và các đô thị mới như: Thứ Bảy, Xẻo Nhàu, U Minh Thượng, Bình Minh. Các đô thị này chủ yếu tập trung theo tuyến hành lang kinh tế ven biển. Ưu tiên phát triển đô thị Thứ Bảy là vai trò trung tâm kinh tế tổng hợp, hạt nhân phát triển toàn vùng; đô thị U Minh Thượng phát triển dịch vụ du lịch gắn với rừng đặc dụng và di tích kháng chiến U Minh Thượng.

- Vùng hải đảo: Phát triển đô thị du lịch sinh thái biển, đảo cao cấp, bao gồm đô thị hiện hữu như: Phú Quốc, Hòn Tre. Xây dựng Phú Quốc trở thành trung tâm du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và khu vực; hình thành và phát triển các đô thị Thổ Chu, Hòn Tre, An Sơn, Lại Sơn nhằm thúc đẩy phát triển vùng hải đảo thông qua đó gắn kết với phát triển vùng đất liền.

b) Định hướng phát triển đô thị

Đến năm 2020: Toàn tỉnh có 19 đô thị, trong đó có 2 đô thị loại II (Rạch Giá và Phú Quốc), 1 đô thị loại III (Hà Tiên), 5 đô thị loại IV (Kiên Lương, Minh Lương, Giồng Riềng, Tân Hiệp, Vĩnh Thuận) và 11 đô thị loại V (Hòn Đất, Sóc Sơn, Gò Quao, Thứ Ba, Thứ Mười Một, Hòn Tre, Thứ Bảy, U Minh Thượng, Đầm Chít, Tắc Cậu và Thổ Chu).

Đến năm 2025: Toàn tỉnh có 23 đô thị, trong đó có 2 đô thị loại I (Rạch Giá và Phú Quốc), 1 đô thị loại II (Hà Tiên), 1 đô thị loại III (Kiên Lương), 5 đô thị loại IV (Minh Lương, Giồng Riềng, Tân Hiệp, Vĩnh Thuận, Thứ Bảy) và 14 đô thị loại V (Hòn Đất, Sóc Sơn, Gò Quao, Thứ Ba, Thứ Mười Một, Hòn Tre, U Minh Thượng, Đầm Chít, Tắc Cậu, Thổ Chu, Thuận Hưng, Xẻo Nhàu, An Sơn và Lại Sơn).

Đến năm 2030: Hình thành thêm 11 đô thị, nâng tổng số đô thị toàn tỉnh lên 34 đô thị.

c) Định hướng phát triển nông thôn

Phát triển nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; từng bước hoàn thiện, đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trước hết đầu tư hệ thống thủy lợi nội đồng, giao thông nông thôn, cơ sở giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường.

d) Định hướng phát triển Phú Quốc

Xây dựng và phát triển Phú Quốc trở thành đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt để tạo cực tăng trưởng và tác động lan tỏa đến các vùng khác trong tỉnh; xây dựng cơ chế, chính sách có tính vượt trội để thu hút các nhà đầu tư lớn, có tầm nhìn dài hạn phát triển Phú Quốc thành trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước, và khu vực với 3 trụ cột chính: Công nghiệp giải trí, nghỉ dưỡng, dịch vụ tài chính ngân hàng và kinh tế biển.

9. Phát triển kinh tế biển, đảo

Kinh tế biển, đảo là khâu đột phá quan trọng trong chiến lược phát triển của tỉnh, xây dựng Kiên Giang là tỉnh khá về phát triển kinh tế biển của cả nước. Tập trung vào 5 lĩnh vực: Nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy hải sản; du lịch biển, đảo; khu kinh tế và khu đô thị ven biển; công nghiệp năng lượng gắn với dự án khí lô B - Ô Môn; kinh tế hàng hải.

IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về vốn đầu tư phát triển

- Cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư nhằm khuyến khích, huy động vốn trong dân cư, doanh nghiệp vốn nước ngoài, vốn các nhà đầu tư bên ngoài vào sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh với các hình thức đầu tư phù hợp.

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn từ trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế, chính sách ưu đãi. Chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp bảo đảm vốn cho các công trình, dự án trọng điểm. Xây dựng các dự án hạ tầng hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên cơ sở tính toán hiệu quả để thu hút các nguồn vốn vay tín dụng của Nhà nước.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn thông qua đầu tư các trường nghề chất lượng cao; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm cho người lao động; đồng thời có chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao, lao động có chuyên môn sâu các ngành nông nghiệp, thủy sản, kinh tế biển, công nghiệp chế biến, du lịch.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị từ cơ sở đến cấp tỉnh; chú trọng đào tạo cán bộ trẻ dự nguồn bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Giải pháp về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

- Tập trung các nguồn vốn cho đầu tư xây dựng hoàn thiện, đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chú trọng vào các dự án trọng tâm, trọng điểm theo quy hoạch của tỉnh với các hình thức đầu tư phù hợp.

- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các cơ chế, chính sách của trung ương để đầu tư các dự án có vốn đầu tư quy mô lớn và những ngành, lĩnh vực mà tỉnh khuyến khích đầu tư.

- Tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm đầu tư công, tăng thu hút nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là mạng lưới giao thông, công trình thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển đô thị, cấp điện, viễn thông.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ, quản lý tài nguyên, môi trường

- Phát triển khoa học, công nghệ hướng vào khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đã đề ra.

- Bảo vệ nghiêm ngặt các loại rừng, môi trường biển và ven biển, các khu bảo tồn hệ sinh thái đặc thù; khắc phục ô nhiễm, cải thiện vệ sinh môi trường tại các khu, điểm du lịch, khu vực khai thác khoáng sản và nuôi trồng thủy sản.

- Triển khai thực hiện chương trình hành động để thích ứng với biến đổi khí hậu; tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, kết cấu hạ tầng các đô thị ven biển; đầu tư xây dựng tuyến đê biển Tây, kết hợp với đường giao thông và hệ thống cống, đập các cửa sông để ngăn mặn.

5. Giải pháp về hợp tác, liên kết và mở rộng thị trường

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp, hợp tác giữa Kiên Giang với các bộ, ngành và các tỉnh thành trong cả nước, tạo điều kiện mở rộng thị trường, liên kết sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Hợp tác, liên kết phát triển toàn diện kinh tế - xã hội với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù để cùng phát triển nhanh, bền vững.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu truyền thống, phát triển các thị trường mới nhằm giảm sự tập trung quá mức vào một thị trường cụ thể.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch.

Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Tổ chức công bố Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 cho cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

- Căn cứ nội dung của Điều chỉnh Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để có kế hoạch thực hiện đạt kết quả.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư; trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư các dự án ưu tiên đầu tư.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch.

2. Các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm

- Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trong quá trình thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch.

- Phối hợp với tỉnh Kiên Giang trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất; xem xét, hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b). *đb5*



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 388 /QĐ-TTg
ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Tên dự án | 2016 - 2020 | 2021 - 2030 |
|-----------|--|-------------|-------------|
| I | CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ | | |
| 1 | Đường hành lang ven biển phía Nam (đoạn Hà Tiên - Rạch Giá, đoạn Minh Lương - Thứ Bảy - Cà Mau) | x | x |
| 2 | Đường Hồ Chí Minh (đoạn qua tỉnh) | x | x |
| 3 | Đường cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (đoạn qua tỉnh) | | x |
| 4 | Đầu tư tuyến đường thủy An Giang - Kiên Giang - Cà Mau | x | x |
| 5 | Hoàn thiện sân bay Phú Quốc đạt cấp 4E | x | |
| 6 | Nâng cấp sân bay Rạch Giá đạt cấp 4C và sân bay quân sự cấp II | | x |
| 7 | Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 61, 63, 80 và N1 | x | x |
| II | CÁC DỰ ÁN DO TỈNH QUẢN LÝ | | |
| A | Từ nguồn vốn ngân sách trung ương | | |
| 1 | Dự án thi công đê và cống ngăn mặn | x | |
| 2 | Xây mới hồ nước bãi Cây Mến, hồ An Sơn (huyện Kiên Hải) | x | |
| 3 | Xây dựng các hạ tầng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp vùng Tứ giác Long Xuyên (thuộc địa bàn tỉnh) | x | |
| 4 | Xây dựng Trung tâm nghề cá lớn | x | |
| 5 | Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | x |
| 6 | Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên | x | |
| 7 | Xây dựng Cửa khẩu quốc gia Giang Thành | x | |
| B | Từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, nguồn vốn ODA, trái phiếu Chính phủ, ngân sách địa phương và kêu gọi đầu tư | | |
| 1 | Nâng cấp các tỉnh lộ; đường Rạch Vẹm - Rạch Tràm - Bãi Thơm; đường ven sông Cái Lớn | x | x |
| 2 | Nâng cấp, mở rộng toàn bộ mạng lưới đường tỉnh tối thiểu đạt tiêu chuẩn cấp IV-ĐB | | x |
| 3 | Xây mới tuyến đường ven biển từ Ba Hòn - Thổ Sơn - Rạch Giá (tỉnh lộ 11 nối dài); tuyến đường ven biển từ cống Kênh Cụt Rạch Giá đi quốc lộ 63 kết nối đô thị Tắc Cậu | | x |
| 4 | Khu công nghiệp Thạnh Lộc, Thuận Yên, Xẻo Rô | x | |
| 5 | Khu công nghiệp Tắc Cậu, Kiên Lương II | | x |
| 6 | Xây dựng Trung tâm điện lực Kiên Giang (Trung tâm nhiệt điện khí Xẻo Rô - An Biên) | x | |
| 7 | Nâng cấp mạng lưới đô thị theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 28/04/2017 về Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh | x | x |
| C | Từ nguồn ngân sách địa phương và kêu gọi đầu tư | | |
| 1 | Cụm công nghiệp (12 cụm): Hà Giang, Đông Bắc Vĩnh Hiệp, Kiên Lương, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Thạnh Hưng, Vĩnh Phong, Bình An, Đông Hưng B, Bình Sơn, Tân Hiệp, Tân Thạnh, Long Thạnh | x | x |

| STT | Tên dự án | 2016 - 2020 | 2021 - 2030 |
|------------|---|-------------|-------------|
| 2 | Xây dựng hạ tầng cấp điện các xã đảo, các đảo | x | x |
| 3 | Nâng cấp, mở rộng các cảng: An Thới, Tắc Cậu, Hòn Chông, Bãi Nò - Hà Tiên, Nam Du, Vịnh Đầm; cảng hành khách Quốc tế Phú Quốc; các cầu cảng tại các xã đảo: Hòn Tre, An Sơn, Hòn Nghệ, Sơn Hải, Thổ Chu; xây mới, nâng cấp các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh bão tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 | x | x |
| 4 | Xây mới các bệnh viện chuyên khoa lao, tâm thần, sản nhi, ung bướu, Trung tâm Y học hạt nhân và xạ trị, bệnh viện Đa khoa Phú Quốc, Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải, bệnh viện Đa khoa Kiên Giang | x | x |
| 5 | Xây mới các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề; Trường trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang; Trung tâm Nghiên cứu giáo dục khoa học công nghệ tại Phú Quốc | x | x |
| 6 | Nhà thi đấu Đa năng tỉnh Kiên Giang | x | |
| III | CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ | | |
| 1 | Các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ nông thôn, chợ đầu mối, chợ chuyên doanh, tổng kho | x | x |
| 2 | Trung tâm logistics cấp tỉnh | | x |
| 3 | Cụm du lịch sinh thái biển đảo Phú Quốc, cụm du lịch Hà Tiên - Kiên Lương và phụ cận, cụm du lịch Rạch Giá - Kiên Hải và phụ cận, cụm du lịch U Minh Thượng và phụ cận, du lịch quần đảo Bà Lụa - Kiên Lương; quần đảo Tiên Hải - Hà Tiên; Hòn Tre, Lại Sơn, Nam Du - Kiên Hải | x | x |
| 4 | Các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung tại Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, Rạch Giá, Minh Lương và tại các trung tâm huyện | x | x |
| 5 | Nhà máy điện rác, nhiệt điện, phong điện, điện mặt trời tại Phú Quốc | x | x |
| 6 | Nhà máy nước Rạch Giá, Bắc Rạch Giá (Hòn Đất), Nam Rạch Giá, Thứ Bảy | x | x |
| 7 | Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước Rạch Giá, Hà Tiên, đô thị Phú Quốc | x | x |
| 8 | Xây mới các khu xử lý nước thải cho các khu dân cư tại Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Lương, Phú Quốc và tại các trung tâm huyện | x | x |
| 9 | Xây dựng hệ thống xử lý rác thải, nước thải ở các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp và khu kinh tế | x | x |

Ghi chú: Vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của từng giai đoạn.